

NGŨ VĂN 7 - TUẦN 7

Tiết 25	Đặc điểm của văn bản biểu cảm
Tiết 26	Bánh trôi nước Sau phút chia ly (tự đọc)
Tiết 27	Quan hệ từ
Tiết 28	Đề văn biểu cảm và cách làm văn biểu cảm

Tiết 25: ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM

I. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM

1. Xét ví dụ

Ví dụ 1: Văn bản "Tấm gương" SGK/85 - 86

- Bài văn Tấm gương ca ngợi đức tính trung thực của con người, ghét thói xu nịnh, dối trá.
- Để biểu đạt tình cảm đó, tác giả đã mượn hình ảnh tấm gương (ẩn dụ) làm điểm tựa, vì tấm gương luôn luôn phản chiếu trung thành mọi vật xung quanh.

→ **Biểu cảm gián tiếp.**

c) Bố cục: 3 phần

d) Tình cảm và sự đánh giá của tác giả rõ ràng, chân thực, không thể bác bỏ. Hình ảnh tấm gương có sức kêu gọi, tạo nên giá trị của bài văn.

Ví dụ 2: Đoạn trích "Những ngày thơ ấu" Nguyên Hồng SGK/ 86.

- Đoạn văn thể hiện tình cảm cô đơn, cầu mong sự giúp đỡ, thông cảm của chú bé Hồng.
- Cách thức biểu đạt: trực tiếp qua tiếng kêu, lời than, câu hỏi biểu cảm (câu hỏi tu từ).

→ **Biểu cảm trực tiếp.**

2. Nhận xét

(Ghi nhớ SGK/ 86)

II. LUYỆN TẬP

HS làm phần luyện tập SGK/87 vào vở bài tập.

TIẾT 26: BÁNH TRÔI NƯỚC

(Hồ Xuân Hương)

I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả (SGK/ 95)

2. Tác phẩm

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt (Đường luật)
- Phương thức biểu đạt: miêu tả, biểu cảm

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Hình ảnh bánh trôi nước (nghĩa thứ nhất)

- Màu sắc: trắng => màu của bột
- Hình dáng: tròn => nặn bánh hình tròn
- Quá trình nấu: chìm - nổi => bánh chín thì nổi lên, chưa chín còn chìm xuống.
- Cách tạo hình: rần nát mặc dầu tay kẻ nặn => Nhào bột nhiều nước thì nhão, ít nước thì cứng.
- Nhân bánh: lòng son => Nhân đường phèn màu đỏ

→ Sử dụng hàng loạt các tính từ miêu tả để toát lên hình ảnh bánh trôi nước chân thực thơm ngon, tinh khiết đúng với bánh trôi như đã có ở ngoài đời.

2. Phẩm chất, thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa (nghĩa thứ hai)

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

- Thân em: cách nói quen thuộc trong ca dao => lời xưng hô, giới thiệu dịu dàng, nữ tính.
- Vẻ đẹp hình thể: vừa trắng lại vừa tròn => xinh đẹp, trắng trẻo, đầy đặn.
- Phẩm chất:

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

=> Trong trắng, thủy chung, luôn giữ tấm lòng son sắc.

- Thân phận người phụ nữ: Bày nôi ba chìm với nước non

=> Sử dụng thành ngữ, lối chơi chữ, từ trái nghĩa.

=> Thân phận chìm nổi, bấp bênh giữa cuộc đời.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ SGK/95

VĂN BẢN:

SAU PHÚT CHIA LY

(Trích Chinh phụ ngâm khúc)

(HS tự đọc)

Đoàn Thị Điểm

I. ĐỌC - HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả: SGK/ 91

2. Tác phẩm

- Thể thơ: Song thất lục bát
- Bố cục: 3 phần

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Nghệ thuật

- Thể thơ song thất lục bát diễn tả nỗi sầu bi dằng dặc của con người.
- Phép đối, điệp ngữ, đảo ngữ, câu hỏi tu từ, tính từ gợi tả.
- Ngôn ngữ biểu cảm, điêu luyện, dạt dào cảm xúc.

2. Nội dung - ý nghĩa văn bản

- Nỗi sầu chia li của người chinh phụ sau lúc tiễn đưa chồng ra trận.
- Nỗi sầu này vừa có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa đẩy lứa đôi hạnh phúc phải chia li.
- Lòng cảm thông sâu sắc với khát khao hạnh phúc của người phụ nữ.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ SGK/ 93

TIẾT 27: QUAN HỆ TỪ

I. Thế nào là quan hệ từ

1. Xét ví dụ SGK/96, 97

- a. Của: Chỉ quan hệ sở hữu.

b. Như: Chỉ quan hệ so sánh.

c. Bởi ... nên: Chỉ quan hệ nguyên nhân - kết quả.

d. Nhưng: Quan hệ tương phản.

=> Các quan hệ từ: của, như, ... dùng để liên kết từ ngữ, cụm từ, vế câu, câu với câu.

- Được dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ sở hữu, so sánh, nhân quả, tương phản.

2. Ghi nhớ (SGK/97)

II. Sử dụng quan hệ từ

1. Xét ví dụ (SGK/97)

- Câu bắt buộc phải có quan hệ từ: b, d, g, h.

- Câu không bắt buộc: a, c, e, i.

=> Các câu b, d, g, h phải có quan hệ từ vì nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa.

- Các câu a, c, e, i không bắt buộc phải có quan hệ từ vì nghĩa của câu không đổi.

- Cặp quan hệ từ tương ứng: nếu...thì, vì ... nên, tuy... nhưng, hễ ...thì, sở dĩ... là vì.

=> Quan hệ từ nếu... thì, tuy ... nhưng, vì nên được dùng thành cặp.

2. Ghi nhớ (SGK/ 98)

III. LUYỆN TẬP

HS làm các bài tập 1, 2, 3, 4 vào vở bài tập.

TIẾT 28: ĐỀ VĂN BIỂU CẢM VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

I/ ĐỀ VĂN BIỂU CẢM VÀ CÁC BƯỚC LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

1. Đề văn biểu cảm

a) Cảm nghĩ về dòng sông

b) Cảm nghĩ về đêm trăng trung thu.

c) Cảm nghĩ về nụ cười của mẹ.

d) Vui buồn tuổi thơ.

e) Loài cây em yêu.

→ **Nêu rõ đối tượng và định hướng biểu cảm**

2. Các bước làm bài văn biểu cảm

a) Tìm hiểu đề

b) Tìm ý và lập dàn ý

c) Viết bài

d) Sửa bài

3. Ghi nhớ (SGK/88)

II. Luyện tập

HS làm bài tập SGK/ 89, 90 vào vở bài tập.